



BarberCosmo
Board of Barbering & Cosmetology

An toàn Mỹ viện CA

BẢNG DỮ LIỆU AN TOÀN



Thúc đẩy
Sức
khỏe
thông qua
Giáo dục

Sứ mệnh của BBC

Đảm bảo sức khỏe và an toàn của người

tiêu dùng California bằng cách thúc đẩy các

tiêu chuẩn đạo đức và thực thi pháp luật của

ngành thẩm mỹ và tạo mẫu tóc.

Bảng Dữ liệu An toàn

Làm việc trong một cơ sở sử dụng các sản phẩm thẩm mỹ và tạo mẫu tóc có chứa các hóa chất độc hại có thể đem lại cho các chuyên gia được cấp phép (người được cấp phép) và khách hàng của họ các thách thức riêng biệt với việc giữ gìn sức khỏe. Một trong những cách tốt nhất mà một chuyên gia được cấp phép có thể lấy được thông tin về hóa chất dùng trong sản phẩm thẩm mỹ và tạo mẫu tóc là bằng cách xem qua Bảng Dữ liệu An toàn (SDS) của sản phẩm.

SDS là gì?

Một SDS là một bảng tin cung cấp thông tin hữu ích về một sản phẩm hóa chất và tính độc hại của nó. Điều này bao gồm:

- Tên của bất kỳ nguyên liệu nguy hiểm nào.
- Tính độc hại cho sức khỏe và an toàn của hóa chất.
- Những điều cần trọng cần thực hiện khi sử dụng sản phẩm.
- Các quy trình khẩn cấp nếu như có tai nạn, chẳng hạn như là bị đổ hay cháy.
- Thông tin về tính bắt cháy của sản phẩm.

BẠN CÓ BIẾT?

Pháp luật yêu cầu phải có SDS đối với nhiều sản phẩm hóa chất và thay thế cho Bảng Dữ liệu An toàn Vật liệu, hoặc MSDS, hiệu lực từ ngày 1 Tháng Mười Hai, 2013.

Cách để Lấy được một SDS

Cal/OSHA yêu cầu các chủ lao động phải bảo quản Các SDS và đảm bảo rằng nhân viên có thể sẵn sàng truy cập được chúng cho tất cả các hóa chất độc hại được dùng trong cơ sở. Nếu như không có một SDS cho một sản phẩm tại cơ sở, thì chủ lao động phải lấy được một bản từ nhà sản xuất hoặc nhà phân phối. Nếu nhà sản xuất hoặc nhà phân phối không đáp ứng cho các nỗ lực nhiều lần yêu cầu phải có SDS, thì chủ lao động có thể liên lạc với một văn phòng Cal/OSHA và nộp một đơn khiếu nại.

SDS Giới hạn

Dù các SDS cung cấp nhiều thông tin hữu ích mà không phải lúc nào cũng tìm được trên nhãn sản phẩm, nhưng vẫn có một mặt hạn chế lớn. Có thể rất khó đọc hiểu được các SDS, và một người được cấp phép có thể không thấy quen với các từ ngữ kỹ thuật hay khoa học ở trong tài liệu. Trong những trường hợp đó, hãy tìm trên mạng internet, nghiên cứu trong sách tham khảo hóa học, hoặc tham khảo một hay nhiều cơ quan được liệt kê trên danh sách "Các Nhóm Tài nguyên, Cơ quan, Cơ sở dữ liệu, và Ấn bản" được cung cấp ở mặt sau quyển sách nhỏ này.

Định hướng trong SDS

SDS được chia thành 16 mục. Hiểu được từng mục của SDS sẽ giúp người được cấp phép tìm thấy được thông tin quý giá khi làm việc với các sản phẩm có tại cơ sở.

Các Mục 1–8

Các mục 1–8 chứa thông tin chung về hóa chất, định danh, độ độc hại, thành phần, cách xử lý an toàn, và ứng phó kiểm soát khẩn cấp.

SDS Mục 1: Định danh

MẪU

BẢNG DỮ LIỆU AN TOÀN

1. ĐỊNH DANH CHẤT/ĐIỀU CHẾ VÀ CÁCH CÔNG TY GỌI

TÊN SẢN PHẨM	ACETONE
SỐ HIỆU SẢN PHẨM.	ACETGEN, ACET005, ACET025, ACET200, ACET205, ACETBUL, ACETSBC
TỪ ĐỒNG NGHĨA, TÊN THƯƠNG MẠI THEO NHÀ CUNG CẤP	2-PROPANONE, DIMETHYL KETONE, KETONE PROPANE, METHYL KETONE, PROPANONE
	XXXXXXXXXXXXXXXXXXXX
	XXXXXXXXXXXXXXXXXXXX

Mục đầu tiên của SDS định danh cho hóa chất cùng với nhà sản xuất hoặc nhà phân phối. Thông tin ở trong mục này gồm có:

- Tên sản phẩm được dùng trên nhãn và các phương tiện định danh khác.
- Thông tin về nhà cung cấp hóa chất, bao gồm tên, địa chỉ, và số điện thoại.
- Một số điện thoại khẩn cấp để lấy thông tin về việc bị đổ tràn và các tai nạn khác 24 giờ mỗi ngày, bảy ngày một tuần.

Định danh hợp thức một sản phẩm và mục đích sử dụng khuyến cáo của sản phẩm là một phần quan trọng để làm việc an toàn với hóa chất. Thông tin về nhà cung cấp và số gọi khẩn cấp là rất quan trọng, nhất là khi xảy ra tai nạn liên quan đến sản phẩm.

XXXXXXXXXXXXXXXXXXXX
XXXXXXXXXXXXXXXXXXXX
(***)***-****
* *** ** *

DIỆN THOẠI KHẨN CẤP

2. XÁC ĐỊNH NGUY CƠ



Gây khó chịu



Rất dễ cháy

SDS Mục 2: Xác định Nguy cơ

Mục thứ hai của SDS xác định các nguy cơ từ hóa chất và thông tin cảnh báo liên quan đến những nguy cơ đó. Phân loại nguy cơ có thể bao gồm các nguy cơ vật lý chẳng hạn như liệu sản phẩm có dễ cháy, các nguy cơ về sức khỏe chẳng hạn như liệu sản phẩm có độc tính hay gây-ung-thư không, hoặc các nguy cơ về môi trường. Tham khảo mục này giúp cho người được cấp phép hiểu được sự nguy hiểm của các nguy cơ liên quan đến sản phẩm dùng tại cơ sở.

Trên SDS, người được cấp phép sẽ để ý thấy khái niệm “PHÂN LOẠI” ở vị trí bên dưới các nguy cơ được liệt kê. Các phân loại này là những từ chỉ nguy hiểm – cơ bản là, một cách viết tắt để liệt kê các nguy cơ. Ví dụ, F đại diện cho “rất dễ cháy”, R36 đại diện cho “gây khó chịu cho mắt”, R66 đại diện cho “tiếp xúc lặp lại nhiều lần có thể gây khô và nứt nẻ da”, và R67 đại diện cho “hơi khí có thể gây òn ãn và chóng mặt”.

Khi làm việc với hóa chất, quan trọng là phải biết được các biểu tượng nguy cơ đại diện cho điều gì.



Biểu tượng Ngọn lửa liên quan đến các sản phẩm và hóa chất dễ cháy hoặc dễ bắt lửa. Khi có biểu tượng này hiện diện, người được cấp phép nên tham khảo nhãn sản phẩm để có được thêm thông báo nguy cơ bổ sung, chẳng hạn, “Giữ xa khỏi nguồn nhiệt hay ngọn lửa” hoặc “Đừng cất giữ gần các nguồn nhiệt cao”. Biểu tượng này sẽ giúp cho người được cấp phép nhanh chóng xác định được nguy cơ hỏa hoạn hay cháy nổ tiềm tàng.



Biểu tượng Ngọn lửa Trên Vòng tròn là đặc trưng cho các chất rắn, chất lỏng, hay khí được phân loại là chất oxy hóa. Chất oxy hóa là các khí khiến cho vật liệu bốc cháy dữ dội hơn và nhanh chóng hơn bình thường. Một ví dụ có thể kể đến là khí đốt trên gỗ.



Biểu tượng Ăn mòn chỉ các hóa chất có hiệu ứng ăn mòn (gây hư hại) lên da và/hoặc các màng.



Biểu tượng Hộp sọ với Xương bắt chéo chỉ thị cho hóa chất độc tính cao hoặc gây tử vong khi nuốt, hít phải, hay khi bị thấm thấu tiếp xúc qua da.



Biểu tượng Nguy cơ Sức khỏe chỉ các hóa chất và sản phẩm có thể dẫn đến các vấn đề sức khỏe mãn tính hay cấp tính.



Biểu tượng Dấu Chấm than cho biết rằng dù hóa chất có thể tiềm ẩn nguy hại cho sức khỏe hay an toàn của cá nhân, nhưng biểu tượng đại diện cho thang bậc thấp hơn đối với các nguy cơ cụ thể. Điều này có thể bao gồm các triệu chứng như là ngứa ngáy, òn ãn, và phản xạ dị ứng.



Biểu tượng Môi trường biểu thị rằng hóa chất/sản phẩm có thể độc hại cho đời sống thủy sinh với các ảnh hưởng lâu-dài. Sản phẩm có biểu tượng này không nên bị đổ xuống cống.

SDS Mục 3: Thành phần/Thông tin về Nguyên liệu

3. THÀNH PHẦN/THÔNG TIN VỀ NGUYÊN LIỆU

SỐ CHỈ MỤC EU	606-001-00-8
SỐ EC (EInECS).	200-662-2
SO-CAS.	67-64-1

4. CÁC BIỆN PHÁP SƠ-CỨU

Mục 3 chứa thông tin về thành phần và nguyên liệu hóa chất. Điều này có thể bao gồm tên hóa chất, số đăng ký Dịch vụ Trích yếu Hóa chất (CAS), Thư mục Châu Âu of Existing Commercial Chemical Substances index number (EU Index No.), concentration, and other unique identifiers. This information would be helpful if a licensee had to research a specific chemical substance.

SDS Mục 4: Các biện pháp Sơ-Cứu

4. CÁC BIỆN PHÁP SƠ-CỨU

THÔNG TIN CHUNG

LƯU Ý! Hãy để người bị ảnh hưởng xa khỏi nguồn nhiệt, tia lửa, và ngọn lửa! Hãy tham vấn y sĩ để được hướng dẫn cụ thể.

HÍT PHẢI

Di chuyển người bị phơi nhiễm ra nơi thoáng khí ngay lập tức. Trường hợp bị khó thở, thì các nhân viên được đào tạo bài bản có thể hỗ trợ cho người bị nạn bằng cách tiếp oxy. Nếu bị ngưng thở, hãy làm hô hấp nhân tạo. Giữ cho người bị nạn được ấm và tỉnh dưỡng. Hãy yêu cầu chăm sóc y tế nhanh chóng.

NUỐT PHẢI

ĐỪNG BAO GIỜ ĐỂ MỘT NGƯỜI BẤT TÌNH PHẢI ỎI RA HAY PHẢI UỐNG CHẤT LÔNG! Đưa nạn nhân ra khỏi nguồn phơi nhiễm ngay lập tức. Để tỉnh dưỡng, giữ ấm, và có không khí trong lành. Nhanh chóng đưa người bị ảnh hưởng uống một lượng lớn nước để pha loãng hóa chất đã bị nuốt vào. Yêu cầu chăm sóc y tế ngay lập tức!

TIẾP XÚC QUA DA

Đưa người bị ảnh hưởng ra khỏi nguồn nhiễm. Cởi bỏ quần áo bị vấy bẩn. Rửa thật kỹ vùng da với nước và xà bông trong vài phút. Yêu cầu chăm sóc y tế nếu biểu hiện khó chịu vẫn còn sau khi rửa.

Mục 4 là quan trọng với người được cấp phép vì mục này miêu tả bước cứu thương có thể thực hiện ban đầu. Các bước sơ-cứu được phân loại theo đường phơi nhiễm—hít phải, nuốt phải, và tiếp xúc qua da và mắt. Mục này liệt kê các triệu chứng thường thấy, các ảnh hưởng sức khỏe, và liệu người được cấp phép có cần chăm sóc y tế ngay lập tức không.

SDS Mục 5: Các biện pháp Chống-Cháy

5. CÁC BIỆN PHÁP CHỐNG-CHÁY

PHƯƠNG TIỆN DẬP LỬA

Lửa có thể được dập tắt bằng cách dùng: nước phun, sương, hay bụi mù. Bột. Hóa chất khô, cát, khoáng dolomite v.v... khí Carbon dioxide (CO2).

QUY TRÌNH CHỐNG CHÁY ĐẶC BIỆT

Tránh hít thở khí cháy. Di chuyển các thùng chứa khỏi khu vực cháy nếu có thể làm được mà không bị nguy hiểm. Làm nguội các thùng chứa bị phơi lửa bằng các đơn vị nước giéng cứu hỏa sau khi hết cháy. Tránh lấy nước thẳng từ ống vòi; sẽ làm phân tán và cháy lan. Giữ cho nước chảy-trần tránh khỏi cống và các nguồn nước. Đắp hào để kiểm soát nước. Hãy rút đi ngay lập tức trong trường hợp có tiếng phát ra từ thiết bị an toàn thông khí hoặc có bất kỳ sự mất màu nào ở thùng chứa do lửa gây ra. Đối với cháy lớn ở khu vực chất hàng hóa, hãy dùng bộ đỡ vòi vận hành tự động hoặc vòi phun được giám sát, nếu có thể. Nếu không được, thì hãy rút đi và để cho lửa cháy hết.

Mục 5 cung cấp các khuyến cáo để chống lại các vụ cháy gây ra bởi hóa chất.

SDS Mục 6: Các biện pháp Giảm nhẹ Tai nạn

6. CÁC BIỆN PHÁP GIẢM NHẸ TAI NẠN

CẨN TRỌNG CHO CÁ NHÂN

Mặc đồ bảo hộ phù hợp được chỉ rõ trong mục 8 của bảng dữ liệu an toàn này – Kiểm soát Phơi nhiễm và Bảo vệ cho Người.

CẨN TRỌNG VỚI MÔI TRƯỜNG

Đừng để vật liệu đổ ra tràn vào cống thoát hay các đường nước.

PHƯƠNG CÁCH LAU DỌN VẾT ĐỔ

Dập tắt tất cả các nguồn phát hỏa. Tránh các tia lửa, ngọn lửa, nhiệt và không hút thuốc. Thông khí. Ngăn rò rỉ nếu có thể khi mà không bị nguy hiểm. Đừng để hóa chất chảy vào các không gian kín như là đường cống do sẽ có nguy cơ nổ. Nhân viên lau-dọn cần dùng mặt nạ thở và/hoặc biện pháp bảo vệ tránh tiếp xúc chất lỏng. Thấm hút vào khoáng vermiculite, cát hoặc đất khô, và để trong các thùng chứa.

Mục 6 khuyến nghị các đáp ứng hợp lý cho việc đổ, rò rỉ, hoặc phát tán, bao gồm các hoạt động lau dọn và bao chứa để ngăn hay giảm thiểu việc phơi nhiễm cho người, tài sản, hoặc môi trường. Ví dụ, mục này chỉ ra:

- Cẩn trọng cho cá nhân và thiết bị bảo vệ cá nhân
- Cẩn trọng cho môi trường
- Các phương thức lau dọn vết đổ

SDS Mục 7: Xử lý và Lưu chứa

7. XỬ LÝ VÀ LƯU CHỨA

CẨN TRỌNG KHI SỬ DỤNG

Tránh vẩy đổ, tiếp xúc vào da, và mắt. Giữ xa khỏi nhiệt, tia lửa, và các ngọn lửa cháy. Thông khí tốt, tránh hít thở khí bốc lên. Sử dụng mặt nạ thở được chấp thuận nếu ô nhiễm không khí trên mức cho phép. Sử dụng thiết bị điện chống cháy nổ. Phải phòng tránh tĩnh điện và sự tạo thành tia lửa.

CẨN TRỌNG KHI LƯU CHỨA

Đề cháy/Đề bốc hỏa - giữ xa khỏi các chất oxy hóa, nhiệt, và ngọn lửa. Chứa trong thùng chứa gốc đóng chặt để nơi khô, thoáng, và thông-khí-tốt. Giữ trong thùng chứa gốc. Nối đất thùng chứa và thiết bị dời chuyển để khử tia lửa tĩnh điện.

LỚP PHÂN LOẠI LƯU CHỨA

Lưu chứa chất lỏng dễ cháy.

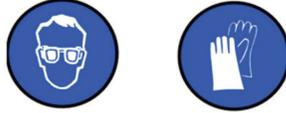
Mục 7 cung cấp hướng dẫn về cách thức xử lý an toàn và điều kiện lưu chứa hóa chất an toàn, chẳng hạn như là xác định các điểm không tương thích và những chất nào thì cần được lưu chứa ở nơi khác.

SDS Mục 8: Kiểm soát Phơi nhiễm/Bảo vệ Cá nhân

8. KIỂM SOÁT PHƠI NHIỄM/BẢO VỆ CÁ NHÂN

Tên	Std	LT - ppm	LT - mg/m ³	ST - ppm	ST - mg/m ³
ACETONE	WEL	500 ppm	1210 mg/m ³	500 ppm	3820 mg/m ³

THIẾT BỊ BẢO HỘ



ĐIỀU KIỆN XỬ LÝ
Cung cấp trạm rửa mắt.

CÁC BIỆN PHÁP KỸ THUẬT
Thông khí xả cục bộ và chống-cháy-nổ chung.

THIẾT BỊ HỖ TRỢ HÔ HẤP
No specific recommendation made, but respiratory protection must be used if the general level exceeds the Recommended Workplace Exposure Limit.

Mục 8 là một mục quan trọng trong SDS vì mục này hướng dẫn cho người được cấp phép cách giảm thiểu phơi nhiễm có hại thông qua các giới hạn phơi nhiễm, kiểm soát kỹ thuật, và bảo vệ cá nhân. Mục này nêu chi tiết các tham số kiểm soát, chẳng hạn như giá trị giới hạn phơi nhiễm nghề nghiệp. Mục này sẽ liệt kê giới hạn phơi nhiễm cho phép (PEL) và giá trị giới hạn ngưỡng (TLV). Ngoài ra, các kiểm soát kỹ thuật hợp lý chẳng hạn như thông khí và các quy trình bao đóng cần có khi làm việc với chất, thay thế chất độc với một chất ít độc hại hơn, hoặc giới hạn khoảng thời gian một người được cấp phép phơi nhiễm với một chất độc hại sẽ được liệt kê ra. Cuối cùng, Mục 8 thảo luận về các biện pháp bảo vệ cho cá nhân, chẳng hạn như yêu cầu có thiết bị bảo hộ cá nhân.

Các biểu tượng thiết bị bảo hộ cá nhân mà người được cấp phép có thể thấy qua gồm có:



Các mục 9-11

Mục 9-11 chứa các thông tin khoa học và kỹ thuật khác, chẳng hạn như các thuộc tính hóa học và vật lý, tính ổn định và thông tin về khả năng phản ứng, thông tin độc chất học, thông tin kiểm soát phơi nhiễm, và các thông tin khác, bao gồm ngày lập bảng hay lần chỉnh sửa mới nhất.

SDS Mục 9: Các Thuộc tính Hóa học và Vật lý

9. CÁC THUỘC TÍNH HÓA HỌC VÀ VẬT LÝ			
ODOR	Acetone, ketone.		
MOL. TRỌNG LƯỢNG	58.06	ĐIỂM SÔI (°C)	56 760 mm Hg
ĐIỂM NÓNG CHÁY (°C)	-95	RELATIVE DENSITY	0.79 @ 20° c
MẬT ĐỘ HƠI (không khí=1)	2	ÁP SUẤT HƠI	182 @ 20° c
TỐC ĐỘ BAY HƠI	7.7	THỪA SỐ BAY HƠI	1.4
ĐỘ BIẾN ĐỔI THEO KHỐI LƯỢNG. (%)	100	NGƯỠNG MÙI, DƯỚI	100 ppm
NGƯỠNG MÙI. TRÊN	ppm	ĐIỂM CHỚP CHÁY (°C)	-18 CC (Closed cup)
GIỚI HẠN BỐC CHÁY - DƯỚI (%) GIÁ	2.15	GIỚI HẠN BỐC CHÁY - TRÊN (%)	13.3
TRỊ HÒA TAN (G/100g H2O @ 20°C)	100		

Mục 9 xác định các thuộc tính hóa học và vật lý liên quan đến chất. Điều này có thể bao gồm thông tin như là:

- Hình dạng—đó là, trạng thái vật lý của chất—rắn, lỏng, khí và màu sắc
- Mùi
- Độ pH, cho người được cấp phép biết liệu hóa chất có tính acid hay kiềm
- Điểm chớp cháy
- Tốc độ bay hơi
- Tính bắt cháy và các giới hạn bốc cháy hay nổ cận trên và cận dưới

SDS Mục 10: Tính ổn định và Tính phản ứng

10. STABILITY AND REACTIVITY
TÍNH ỔN ĐỊNH Ổn định dưới điều kiện nhiệt độ bình thường và khi sử dụng theo khuyến cáo.
CÁC ĐIỀU KIỆN PHẢI TRÁNH Tránh nhiệt, ngọn lửa, và các nguồn bốc hòa khác.

Trong Mục 10, tính ổn định và tính phản ứng của chất được cho biết. Một người được cấp phép cần biết được cách mà chất có thể trở nên không ổn định hay phản ứng với không khí, nước, hoặc các chất khác và do đó trở nên độc hại. Trong mục này, người được cấp phép sẽ đọc về:

- Tính ổn định và tính phản ứng của hóa chất
- Khả năng gây phản ứng độc hại
- Các điều kiện cần tránh chẳng hạn như nhiệt hay ngọn lửa
- Các vật liệu không tương thích phải được giữ xa khỏi chất
- Các sản phẩm phân hủy độc hại

SDS Mục 11: Thông tin Độc chất học

11. THÔNG TIN ĐỘC CHẤT HỌC

LIỀU LƯỢNG ĐỘC TỐ 9570 mg/kg (oral rat)

HÍT PHẢI

Hơi có thể gây kích ứng cho hệ hô hấp hoặc phổi. Phơi nhiễm hơi dung môi hữu cơ vượt quá giới hạn phơi nhiễm nghề nghiệp đã nêu có thể dẫn đến các tác động bất lợi như là khó chịu nơi màng nhầy và hệ hô hấp và các tác động bất lợi cho thận, gan, và hệ thần kinh trung ương. Các triệu chứng và biểu hiện bao gồm nhức đầu, chóng mặt, mệt mỏi, yếu cơ, đờ đẫn, và trong những trường hợp nặng, là bị bất tỉnh.

NUỐT PHẢI

Có thể gây chấn thương nội tạng nghiêm trọng. Có thể gây đau nhức bao tử hay ói mửa.

TIẾP XÚC QUA DA

Tiếp xúc qua da lâu dài hay lặp đi lặp lại với sản phẩm có thể gây mất chất béo tự nhiên ở da, dẫn đến tiếp xúc phi-dị ứng và viêm da và thẩm thấu qua da. Thẩm thấu dung môi hữu cơ qua da có thể gây ra một vài tác động cấp tính và mãn tính như khi hít phải.

TIẾP XÚC QUA MẮT

Gây khó chịu cho mắt. Bị khó chịu và có thể gây viêm đỏ và đau đớn.

CẢNH BÁO SỨC KHỎE

Khó chịu cho mắt và các màng nhầy. Thuốc làm dịu CNS. Thuốc gây tê liều cao.

ĐƯỜNG DẪN NHẬP

Hít phải. Thẩm thấu qua da. Nuốt phải. Tiếp xúc qua da và/hoặc mắt.

CÁC CƠ QUAN BỊ ẢNH HƯỞNG

Hệ thần kinh trung ương. Mắt. Ống dạ-dày-ruột. Hệ hô hấp. Phổi.

CÁC TRIỆU CHỨNG Y KHOA

Hơi mật độ cao có thể gây khó chịu cho hệ hô hấp và dẫn đến nhức đầu, uể oải, choáng váng, và nôn mửa.

CẢNH NHẮC Y KHOA

Biến động rối loạn, các vấn đề CNS.

Mục 11 miêu tả các ảnh hưởng sức khỏe khác nhau do chất gây ra cũng như là dữ liệu sẵn có dùng để xác định các tác động đó, bao gồm:

- Thông tin về đường phơi nhiễm khả dĩ—hít phải, nuốt phải, tiếp xúc qua da và mắt.
- Các triệu chứng liên quan đến đặc điểm vật lý, hóa học và độc chất học.
- Các tác động sức khỏe tức thời và hậu phát và các tác động sức khỏe mãn tính từ việc phơi nhiễm trong thời gian ngắn-và dài.
- Số liệu đo lường độc tính.
- Hóa chất có thể được liệt kê trong Báo cáo Chương trình Chất độc học Quốc gia (NTP) về Sinh chất ung thư hay Chuyên khảo Cơ quan Quốc tế về Nghiên cứu Ung thư (IARC), hoặc là bởi OSHA.

Các mục 12-16

Các SDS phải có Mục 12-15 để thống nhất với Hệ thống Điều hoà Toàn cầu UN về Phân loại và Dán nhãn Hóa chất (GHS), nhưng OSHA sẽ không bắt buộc về nội dung của các mục này vì chúng liên quan đến các vấn đề xử lý được tiến hành bởi các cơ quan khác.

SDS Mục 12: Thông tin Sinh thái học

12. THÔNG TIN SINH THÁI HỌC

ĐỘC TÍNH SINH THÁI

Không được xem là nguy hiểm cho môi trường.

Mục 12 cung cấp thông tin về cách mà chất có thể ảnh hưởng đến môi trường nếu bị thải ra.

SDS Mục 13: Cân nhắc Loại thải

13. CÂN NHẮC LOẠI THẢI

PHƯƠNG THỨC LOẠI THẢI

Loại thải cận bản và tàn dư tuân thủ theo yêu cầu của chính quyền địa phương. Vật liệu này cùng với thùng chứa chúng phải được loại thải như các chất bản độc hại.

Mục 13 cung cấp hướng dẫn về cách loại thải đúng quy chuẩn, tái chế hay thu hồi lại (các) hóa chất hoặc thùng chứa chúng, và các hoạt động xử lý an toàn.

Để tìm được một cơ sở loại thải chất bản độc hại ở khu vực địa phương của bạn, hãy vào xem trang mạng của Cơ quan Bảo vệ Môi trường tại www.epa.gov.

SDS Mục 14: Thông tin Vận chuyển

14. THÔNG TIN VẬN CHUYỂN



PHÂN LỚP ĐƯỜNG VƯƠNG	3	NHÓM ĐƯỜNG	II
QUỐC ANH	3	VƯƠNG QUỐC ANH	Lớp 3: Chất lỏng dễ cháy
TÊN GỬI HÀNH HỢP CÁCH	ACETONE	GIR	33
SỐ UN. ĐƯỜNG	1090	SỐ. ĐỘC CHẤT	2YE
SỐ PHÂN LỚP ADR.	3	LỚP ADR (ADR)	3
NHÓM ĐÓNG GÓI ADR	3(b)	MÃ HAZCHEM RID	1090
SỐ NHÃN ADR.	3	SỐ LỚP. SỐ UN.	II
SỐ CEFIC TEC(R).	30G30	SEA (ĐƯỜNG BIỂN)	Xem Hướng dẫn
NHÓM ĐÓNG GÓI RID 3(b)	3(b)	IMGB GÓI	1090
PHÂN LỚP IMDG	3	GR. MFAG	II
EMS	6-Tháng Ba		
CHẤT Ô NHIỄM THỦY MÔI	Số.		
PHÂN LỚP HÀNG KHÔNG	3		

15. THÔNG TIN

Mục 14 giải thích các yêu cầu về vận chuyển an toàn hóa chất bằng đường bộ, đường không, đường sắt, hay đường biển.

Nói chung là, do người được cấp phép sẽ không phải là nhà sản xuất và sẽ không vận chuyển những sản phẩm hóa chất, nên họ sẽ không cần tham khảo chi tiết mục này.

Dưới đây là những biểu tượng độc hại dễ-hiểu mà người được cấp phép có thể gặp qua:



SDS Mục 15: Thông tin Điều tiết

15. THÔNG TIN ĐIỀU TIẾT		
TẬP QUÁN NGŨ RỦI RO		
R11	Rất dễ cháy.	
R36	Gây khó chịu cho mắt.	
R66	Phơi nhiễm lặp đi lặp lại có thể gây khô da hay nứt nẻ.	
R67	Hơi có thể gây lơ mơ và chóng mặt.	
TẬP QUÁN NGŨ AN TOÀN		
S2	Giữ xa khỏi tầm với của trẻ em.	
S9	Để thùng chứa nơi được thông-khí-tốt.	
S16	Giữ xa khỏi các nguồn phát hỏa - Không hút thuốc.	
S26	Trong trường hợp tiếp xúc vào mắt, hãy rửa trôi ngay lập tức bằng nhiều nước và yêu cầu hướng dẫn y khoa.	

Mục 15 xác định các quy tắc an toàn, sức khỏe, và môi trường cụ thể cho sản phẩm mà có thể không được chỉ định rõ ở bất kỳ nơi nào khác trong SDS.

SDS Mục 16: Thông tin khác

16. THÔNG TIN KHÁC	
PHÁT HÀNH BỞI	***** *****
NGÀY DUYỆT LẠI	06/10/15
SỐ DUYỆT LẠI/HỜI ĐÁP SDS PHÁT SINH	003

Mục 16 chứa thông tin liên quan khác, chẳng hạn như thời điểm SDS được soạn, khi bản sửa đổi mới nhất được lập, những điểm được thay đổi so với phiên bản trước, hoặc các thông tin hữu ích khác mà không thuộc vào các mục khác.

Nhân viên có quyền được tiếp cận đến SDS. Công cụ quan trọng này có thể được dùng để thu thập kiến thức về cách mà người được cấp phép có thể bảo vệ bản thân họ và khách hàng của họ khỏi các hóa chất được dùng thường xuyên trong các sản phẩm thẩm mỹ và tạo mẫu tóc. Mặc dù người được cấp phép có thể sử dụng thường xuyên một vài mục trong SDS hơn là các mục khác, việc biết rằng các thông tin này là sẵn có thì vẫn luôn đáng giá.

Nguồn tài nguyên Các Nhóm, Các Cơ quan, Cơ sở dữ liệu, và Ấn bản

Ban Sức khỏe và An toàn Nghề nghiệp California (Cal/OSHA)

Cal/OSHA là một ban trong Sở Quan hệ Lao động (DIR) bảo vệ và cải thiện cho sức khỏe và an toàn của nam nữ lao động làm việc ở California bằng cách thiết lập và thực thi các tiêu chuẩn, cung cấp điểm truy cập, giáo dục, và hỗ trợ. Có nhiều văn phòng Cal/OSHA xuyên suốt tiểu bang.

VĂN PHÒNG KHU VỰC (Liên lạc để Nộp một Đơn Khiếu nại)

Liên lạc với văn phòng quận gần nhất với địa điểm của cơ sở để nộp một khiếu nại bảo mật liên quan đến các mối nguy hại cho sức khỏe và an toàn tiềm ẩn hoặc một sự vi phạm các quy định của Cal/OSHA.

San Francisco District Office (Văn phòng Quận San Francisco)

455 Golden Gate Ave., Room 9516
San Francisco, CA 94102
Điện thoại: (415) 557-0100
Fax: (415) 557-0123
Email: DOSHSF@dir.ca.gov

Fremont District Office (Văn phòng Quận Fremont)

39141 Civic Center Drive, Suite 310
Fremont, CA 94538
Điện thoại: (510) 794-2521
Fax: (510) 794-3889
Email: DOSHFremont@dir.ca.gov

Foster City District Office (Văn phòng Quận Thành phố Foster)

1065 East Hillsdale Blvd., Suite 110
Foster City, CA 94404
Điện thoại: (650) 573-3812
Fax: (650) 573-3817
Email: DOSHFC@dir.ca.gov

Oakland District Office (Văn phòng Quận Oakland)

1515 Clay Street, Suite 1303
Oakland, CA 94612
Điện thoại: (510) 622-2916
Fax: (510) 622-2908
E-Mail: DOSHOAK@dir.ca.gov

American Canyon District Office (Văn phòng Quận Canyon Hoa Kỳ)

3419 Broadway St., Suite H8
American Canyon, CA 94503
Điện thoại: (707) 649-3700
Fax: (707) 649-3712
Email: DIRDOSHAmericanCanyon@dir.ca.gov

Sacramento District Office (Văn phòng Quận Sacramento)

2424 Arden Way, Suite 165
Sacramento, CA 95825
Điện thoại: (916) 263-2800
Fax: (916) 263-2798
Email: DOSHSAC@dir.ca.gov

Modesto District Office (Văn phòng Quận Modesto)

4206 Technology Drive, Suite 3
Modesto, CA 95356
Điện thoại: (209) 545-7310
Fax: (209) 545-7313
Email: DOSHMOD@dir.ca.gov

Fresno District Office

(Văn phòng Quận Fresno)

2550 Mariposa St., Room 4000

Fresno, CA 93721

Điện thoại: (559) 445-5302

Fax: (559) 445-5786

Email: DOSHFRE@dir.ca.gov

Redding District Office

(Văn phòng Quận Redding)

381 Hemsted Drive

Redding, CA 96002

Điện thoại: (530) 224-4743

Fax: (530) 224-4747

Email: DOSHRED@dir.ca.gov

Santa Ana District Office

(Văn phòng Quận Santa Ana)

2000 East McFadden Ave., Suite 122

Santa Ana, CA 92705

Điện thoại: (714) 558-4451

Fax: (714) 558-2035

Email: DOSHSA@dir.ca.gov

San Diego District Office

(Văn phòng Quận San Diego)

7575 Metropolitan Drive, Suite 207

San Diego, CA 92108

Điện thoại: (619) 767-2280

Fax: (619) 767-2299

Email: DOSHSD@dir.ca.gov

San Bernardino District Office

(Văn phòng Quận San Bernardino)

464 West 4th St., Suite 332

San Bernardino, CA 92401

Điện thoại: (909) 383-4321

Fax: (909) 383-6789

Email: DOSHSB@dir.ca.gov

Long Beach District Office

(Văn phòng Quận Long Beach)

3939 Atlantic Ave., Suite 212

Long Beach, CA 90807

Điện thoại: (562) 506-0810

Fax: (562) 426-8340

Email: DOSHLBO@dir.ca.gov

Los Angeles District Office

(Văn phòng Quận Los Angeles)

320 West 4th St., Suite 820

Los Angeles, CA 90013

Điện thoại: (213) 576-7451

Fax: (213) 576-7461

Email: DOSHLA@dir.ca.gov

Monrovia District Office

(Văn phòng Quận Monrovia)

800 Royal Oaks Drive, Suite 105

Monrovia, CA 91016

Điện thoại: (626) 239-0369

Fax: (626) 239-0387

Email: DOSHMRV@dir.ca.gov

Van Nuys District Office

(Văn phòng Quận Van Nuys)

6150 Van Nuys Blvd., Suite 405

Van Nuys, CA 91401

Điện thoại: (818) 901-5403

Fax: (818) 901-5578

Email: DOSHVN@dir.ca.gov

Bakersfield District Office

(Văn phòng Quận Bakersfield)

7718 Meany Ave.

Bakersfield, CA 93308

Điện thoại: (661) 588-6400

Fax: (661) 588-6428

Email: DOSHBAK@dir.ca.gov

CÁC VĂN PHÒNG THAM VẤN CAL/OSHA (Chủ sở hữu Cơ sở)

Cung cấp các dịch vụ tham vấn cho các chủ cơ sở về cách chỉnh lý các nguy hại an toàn và sức khỏe.

San Francisco Bay Area

1515 Clay St., Suite 1103
Oakland, CA 94612
(510) 622-2891

Northern California

2424 Arden Way, Suite 410
Sacramento, CA 95825
(916) 263-0704

Central Valley

2550 Mariposa Mall, Room 2005
Fresno, CA 93721
(559) 445-6800

San Fernando Valley

6150 Van Nuys Blvd., Suite 307
Van Nuys, CA 91401
(818) 901-5754

Los Angeles, Orange

1 Centerpointe Drive, Suite 150
La Palma, CA 90623
(714) 562-5525

San Bernardino

464 West 4th St., Suite 339
San Bernardino, CA 92401
(909) 383-4567

San Diego

7575 Metropolitan Drive, Suite 204
San Diego, CA 92108
(619) 767-2060

Cơ sở dữ liệu Hóa chất Ngành nghề OSHA Liên bang

OSHA Liên bang duy trì một cơ sở dữ liệu hóa chất làm điểm tham khảo thuận tiện cho an toàn nghề nghiệp và sức khỏe cộng đồng. Cơ sở này tổng hợp thông tin từ các cơ quan chính quyền và tổ chức. Thông tin có trong báo cáo bao gồm:

- Các thuộc tính vật lý
- Các hướng dẫn về phơi nhiễm
- Hướng dẫn Bỏ túi NIOSH
- Thông tin phản hồi khẩn cấp, bao gồm Hướng dẫn Đáp ứng Khẩn cấp DOT

Cơ sở dữ liệu: www.osha.gov/chemicaldata

Sở Y tế Công cộng California (CDPH)

CDPH tận lực cho việc tối ưu hóa sức khỏe và sự lành-mạnh của người dân California.

Phân nhánh Y tế Nghề nghiệp (Tổng hành dinh cho HESIS, OHSEP, và CSCP)

California Department of Public Health
(Sở Y tế Công cộng California)
850 Marina Bay Parkway, Building P, 3rd Floor
Richmond, CA 94804

Điện thoại: (510) 620-5757

Fax: (510) 620-5743

Trang mạng: www.cdph.ca.gov

Email: occhealth@cdph.ca.gov

CDPH offers the following programs:

CDPH cung cấp các chương trình sau:

Hệ thống Đánh giá Nguy hại và Dịch vụ Thông tin (HESIS)

HESIS là một chương trình sử dụng các chuyên môn khoa học, y tế, và sức khỏe công cộng để giúp ngăn ngừa đau ốm và bệnh dịch ở nơi làm việc. Chương trình cung cấp thông tin cho chủ lao động và người lao động về các tác động đến sức khỏe của các chất độc, và các cảnh báo để sử dụng chúng được an toàn.

Trang mạng: <https://www.cdph.ca.gov/Programs/CCDPHP/DEODC/OHB/HESIS/Pages/HESIS.aspx>

Đường dây trợ giúp cho Nguy hại Nơi làm việc: (866) 282-5516 Ấn phẩm miễn phí về các nguy hại ở nơi làm việc: (866) 627-1586

Phân nhánh Y tế Nghề nghiệp (OHB)

OHB tận tâm vào việc cải thiện sức khỏe và an toàn cho công nhân thông qua các hoạt động phòng ngừa.

Trang mạng: <https://www.cdph.ca.gov/Programs/CCDPHP/DEODC/OHB/Pages/OHB.aspx>

Hệ thống Kiểm soát Độc chất California

Hệ thống Kiểm soát Độc chất California là một nhà cung cấp đơn lẻ lớn nhất cho các dịch vụ kiểm soát độc chất ở Hoa Kỳ và là nguồn chính yếu của California cho các khuyến cáo điều trị và thông tin về những ca phơi nhiễm độc chất cho cả cư dân lẫn các chuyên viên y tế.

Trang mạng: www.calpoison.org

Điện thoại: (800) 222-1222

Chương trình Thẩm mỹ An toàn California (CSCP)

Mục đích chính của CSCP là thu thập thông tin về các nguyên liệu có nguy cơ và tiềm ẩn nguy cơ trong các sản phẩm thẩm mỹ được bán tại California và cung cấp thông tin này khả dụng đến cho cộng đồng.

Trang mạng: <https://www.cdph.ca.gov/Programs/CCDPHP/DEODC/OHB/CSCP/Pages/CSCP.aspx>

Email: safecosmetics@cdph.ca.gov

Trung tâm Y tế Môi trường và Nghề nghiệp (COEH)

Một Đại học trong Chương trình của California. Tiến hành nghiên cứu các bệnh lý và chấn thương nghề nghiệp, và cung cấp các chương trình có bằng cấp và các khóa giáo dục liên tục liên quan đến sức khỏe và an toàn.

Trung tâm Y tế Môi trường và Nghề nghiệp

2199 Addison St.

University of California, Berkeley

Berkeley, CA 94720

Điện thoại: (510) 643-4421

Trang mạng: <http://coeh.berkeley.edu>

Chương trình Y tế Nghề nghiệp Lao động (LOHP)

LOHP là một phần của Đại học California, Berkeley. Chương trình cung cấp thông tin và khuyến cáo về hóa chất và các nguy cơ khác tại nơi làm việc.

University of California

University Hall (Sảnh Đại học Đại học California), Suite 451

2199 Addison St.

Berkeley, CA 94720

Điện thoại: (510) 642-5507

Fax: (510) 643-5698

Trang mạng: www.lohp.org

Email: lohp@berkeley.edu

Chương trình Y tế và An toàn Nghề nghiệp Lao động UCLA (LOSH)

LOSH là một phần của Đại học California, Los Angeles. Đây là một trung tâm được công nhận quốc gia về thúc đẩy an toàn nơi làm việc thông qua giảng dạy và giáo dục, nghiên cứu, và đề xuất chính sách.

UCLA-LOSH

10945 Le Conte Ave., Suite 2107
Box 951478
Los Angeles, CA 90095-1478
Điện thoại: (310) 794-5964
Fax: (310) 794-6403
Trang mạng: www.losh.ucla.edu

Viện Quốc gia về Y tế và An toàn Nghề nghiệp (NIOSH)

NIOSH là một cơ quan liên bang cung cấp các ấn bản miễn phí và cơ sở dữ liệu trực tuyến về hóa chất. Viện cung cấp thông tin về hóa chất và các nguy cơ khác ở nơi làm việc. Trong một số trường hợp, NIOSH sẽ gửi các điều tra viên đến nơi làm việc để đánh giá các nguy cơ y tế.

4676 Columbia Parkway
Cincinnati, OH 45226-1996
Điện thoại: (800) 356-4674
Fax: (513) 533-8573
Trang mạng: www.cdc.gov/niosh
Email: pubstaf@cdc.gov

Danh sách Quyền được Biết Chất Nguy hại

Danh sách Quyền được Biết Chất Nguy hại chứa hơn 2,000 chất nguy hiểm, bao gồm cả những chất trong Danh sách Chất Nguy hại cho Sức khỏe Đặc biệt (SHHSL). SHHSL bao gồm hơn 1,000 chất nguy hiểm được xác định là chất gây ung thư, gây đột biến, gây dị dạng thai nhi, ăn mòn, dễ cháy, và có hoạt tính.

Trang mạng: <https://web.doh.state.nj.us/rtkhsfs/chemicalsearch.aspx>
Email: rtk@doh.state.nj.us
Phone: (609) 984-2202
Fax: (609) 984-7407

Được cung cấp bởi:
Department of Health
(Sở Y tế)
P.O. Box 360
Trenton, NJ 08625-0360

Toxnet

Một nguồn tài nguyên trực tuyến về cơ sở dữ liệu tìm kiếm độc chất học, hóa chất nguy hiểm, y tế môi trường, và các bản phát hành về độc chất. Nguồn tài nguyên được quản trị bởi Chương trình Thông tin Y tế Môi trường và Độc chất học (TEHIP) thuộc Ban các Dịch vụ Thông tin Chuyên môn (SIS) của Thư viện Quốc gia về Dược phẩm (NLM).

Trang mạng: <https://toxnet.nlm.nih.gov>

Thông tin Mỹ phẩm

Cosmeticsinfo.org là một nguồn thông tin về mỹ phẩm và các sản phẩm chăm sóc cá nhân—cách chúng hoạt động, độ an toàn của chúng, và nền tảng khoa học đằng sau các nguyên liệu của chúng. Được duy trì bởi các chuyên gia khoa học.

Trang mạng: www.cosmeticsinfo.org

Tập hợp Bảng Dữ liệu An toàn

Có nhiều cơ sở dữ liệu SDS trực tuyến miễn phí. Để thuận tiện cho bạn, Cơ quan An toàn Hóa chất đã tổng hợp một cơ sở dữ liệu SDS trực tuyến, miễn phí.

Trang mạng: <https://chemicalsafety.com/sds-search/>

Các Ấn bản

Một từ điển của Người tiêu dùng về Nguyên liệu Mỹ phẩm. Bản in thứ 7. Ruth Winter. New York, Nhà xuất bản Crown, 2009.

Hướng dẫn Bộ túi NIOSH về Các Nguy hiểm từ Hóa chất. Đây dự định là làm một nguồn về thông tin vệ sinh công nghiệp chung cho công nhân, chủ lao động, và các chuyên viên y tế nghề nghiệp.

Trang mạng: www.cdc.gov/niosh/npg/pgintrod.html

Các Trang mạng Hữu ích

Tiểu bang California
www.ca.gov

California Department of Public Health
(Sở Y tế Công cộng California)
www.cdph.ca.gov

Department of Industrial Relations
(Sở Quan hệ Lao động Công nghiệp)
www.dir.ca.gov/dosh

United States Department of Labor
(Sở Lao động Hoa Kỳ)
<https://www.dol.gov>

Chemical Hazard and Alternatives Toolbox
(Hộp công cụ về Nguy hại Hóa chất và Các giải pháp thay thế)
www.chemhat.org



**California Board of Barbering and Cosmetology
(Ban về Thẩm mỹ và Tạo mẫu tóc California)**

2420 Del Paso Road, Suite 100

Sacramento, CA 95834

www.barbercosmo.ca.gov

(800) 952-5210

Email: barbercosmo@dca.ca.gov



Vui lòng lưu ý rằng những thông tin được cung cấp trong ấn bản này là chưa bao quát hết.

THÔNG TIN XUẤT BẢN

Ấn bản này có thể được sao chép nếu như:

1. Ý nghĩa của câu chữ không bị thay đổi hay diễn dịch sai.
 2. Ghi nhận cho công sức Ban Thẩm mỹ và Tạo mẫu tóc California.
 3. Tất cả các bản sao được phân phát miễn phí.
- Trong các tình huống khác, cần có sự cho phép bằng văn bản.